

**NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
(LABORATORY MEDICINE)
MÃ SỐ: 7720601**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Xét nghiệm y học có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

1.2.2. Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật- công nghệ và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học;
- Hiểu biết các nguyên lý, qui tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.
- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học;
- Hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2.3. Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm lâm sàng thông thường và ứng dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên ngành.
- Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.
- Thực hiện, kiểm tra và giám sát các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.
- Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm y sinh học.
- Tham gia chỉ đạo tuyến và phòng chống dịch.

- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

- Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.

1.2.4. Chức danh tốt nghiệp: Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học

1.2.5. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Các cơ sở y tế, các bệnh viện và một số ban ngành có nhu cầu sử dụng Cử nhân Xét nghiệm y học.

2. Thời gian đào tạo : 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 133 đơn vị tín chỉ

(chưa kể các nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
I		Kiến thức giáo dục đại cương	30	27	3
		1.1. Các môn chung:	20	20	0
1	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	Y.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	Y.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	Y.NNKC.1.01.7	Ngoại ngữ không chuyên	7	7	0
7	X.NNG.1.01.2	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	2	0
		1.2. Các môn cơ sở khối ngành:	10	7	3
8	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất – Thống kê y học	3	2	1
9	N.KCB.2.02.3	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	3	2	1
10	N.KCB.2.04.2	Sinh học và di truyền	2	1	1
11	Y.YCC.2.01.2	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	0
II		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	103	45	58
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành:	21	15	6
12	N.GPH.3.01.3	Giải phẫu	3	2	1
13	N.MPH.3.01.2	Mô học	2	1	1
14	N.SLY.3.01.2	Sinh lý	2	1	1
15	N.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1
16	XDLY.3.01.2	Dược lý - Độc chất học lâm sàng	2	1	1
17	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
18	X.PDT.3.01.2	Bệnh học Nội khoa và Ngoại khoa	2	2	0
19	N.YCC.3.01.3	Dinh dưỡng - Sức khỏe môi trường,	3	3	0

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
		Dịch tễ học			
20	Y.YCC.5.08.2	Nghiên cứu khoa học	2	2	0
		2.2. Kiến thức ngành:	51	22	29
21	X.PDT.4.02.2	Xét nghiệm cơ bản	2	1	1
22	X.HHY.4.01.3	Huyết học tế bào	3	2	1
23	X.HHY.4.03.2	Huyết học đông máu	2	1	1
24	X.HHY.4.04.2	Huyết học truyền máu	2	1	1
25	X.HHY.4.05.2	Xét nghiệm huyết học nâng cao	2	1	1
26	X.SHY.4.01.2	Hoá sinh 1	2	1	1
27	X.SHY.4.02.2	Hoá sinh 2	2	1	1
28	X.SHY.4.03.3	Hoá sinh 3	3	2	1
29	X.VSY.4.01.2	Vi sinh 1	2	1	1
30	X.VSY.4.02.2	Vi sinh 2	2	1	1
31	X.VSY.4.03.3	Vi sinh 3	3	2	1
32	X.KST.4.01.2	Ký sinh trùng 1	2	1	1
33	X.KST.4.02.2	Ký sinh trùng 2	2	1	1
34	X.KST.4.03.2	Ký sinh trùng 3	2	1	1
35	X.GPB.4.01.3	Xét nghiệm tế bào 1	3	2	1
36	X.DTR.4.01.3	Y sinh học phân tử	3	1	2
37	X.SHY.4.05.2	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1
38	X.VSY.4.05.2	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	1
39	X.VSY.4.06.2	Thực tập KTXN 1: Vi sinh 1	2	0	2
40	X.SHY.4.06.2	Thực tập KTXN 2: Hoá sinh 1	2	0	2
41	X.HHY.4.06.2	Thực tập KTXN 3: Huyết học 1	2	0	2
42	X.GPB.4.03.2	Thực tập KTXN 4: Giải phẫu bệnh 1	2	0	2
43	X.KST.4.04.2	Thực tập KTXN 5: Ký sinh trùng 1	2	0	2
		2.3. Kiến thức bổ trợ (tự chọn):	24	5	19
44	X.PDT.5.03.2	Một số xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	1	1
45	X.PDT.5.04.2	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1
46	X.GPB.4.02.2	Xét nghiệm tế bào 2	2	1	1
47	X.KST.5.05.2	Một số kỹ thuật xét nghiệm Ký sinh trùng chuyên sâu	2	1	1
48	X.HHY.5.07.2	Thực tập KTXN 6: Huyết học 2	2	0	2
49	X.GPB.5.05.2	Thực tập KTXN 7: Giải phẫu bệnh 2	2	0	2
50	X.VSY.5.07.2	Thực tập KTXN 8: Vi sinh 2	2	0	2
51	X.KST.5.06.2	Thực tập KTXN 9: Ký sinh trùng 2	2	0	2
52	X.SHY.5.07.2	Thực tập KTXN 10: Sinh hoá 2	2	0	2
53	X.NOI.5.01.2	Nội soi cơ bản	2	1	1

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
54	X.PDT.5.05.2	Thực tế nghề nghiệp 1	2	0	2
55	X.PDT.5.06.2	Thực tế nghề nghiệp 2	2	0	2
		2.4. Tốt nghiệp:	7	3	4
56	X.PDT.4.07.3	Lý thuyết	3	3	0
57	X.PDT.4.08.4	Thực hành	4	0	4
TỔNG CỘNG			133	72	61
III		Các học phần thay thế			
1	X.PDT.5.09.2	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm 2	2	1	1
2	X.KST.5.07.2	Ký sinh trùng 4	2	1	1
3	X.GPB.5.04.2	Xét nghiệm tế bào 3	2	1	1
4	X.VSY.5.08.2	Vi sinh 4	2	1	1
5	X.HHY.5.08.2	Xét nghiệm huyết học nâng cao 2	2	1	1
6	X.PDT.5.10.2	Xét nghiệm cơ bản 2	2	1	1
7	X.HHY.5.09.2	Các kỹ thuật huyết học truyền máu chuyên sâu	2	1	1
8	X.YCC.3.04.2	TCYT-Chương trình y tế quốc gia-Giáo dục sức khỏe	2	2	0